UBND THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG THCS HOÀNG ĐỘNG

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024, kinh phí thu chi quỹ ngoài NS năm học 2024 - 2025, ước thực hiện năm học 2025-2026

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm n	Ước thực hiện năm n+1
I	**Quyết toán thu chi ngân sách theo năm tài chính trước liền kề**		
1	**Ngân sách nhà nước**	**6,384,156,855**	**6,335,628,855**
1.1	**Ngân sách chi thường xuyên**		
	-Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	-
	- Dự toán được giao trong năm	4,584,625,600	4,800,000,000
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	-Kinh phí thực nhận trong năm :	4,584,625,600	4,800,000,000
	- Kinh phí quyết toán trong đó :		
	+ Chi lương, bảo hiểm, công đoàn	3,795,291,100	3,950,000,000
	+ Chi tiền thể dục ngoài trời, thanh toán khoán phương tiện theo chế độ	16,958,600	17,000,000
	+ Chi điện, nước	42,342,576	100,000,000
	+'Chi vật tư văn phòng	30,275,000	32,000,000
	+ Chi thông tin, tuyên truyền liên lạc	6,439,000	6,349,000
	+ Chi khoán công tác phí	24,000,000	24,000,000
	+ Chi phí thuê mướn	82,500,000	82,500,000
	+ Chi phí sửa chữa nhỏ	69,081,000	70,000,000
	+ Chi nghiệp vụ, chuyên môn	374,329,824	375,000,000
	+ Chi phí khác	143,408,500	143,151,000
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	**Ngân sách chi không thường xuyên**		

	-Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	-Dự toán được giao trong năm	**263,902,400**	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	263,902,400	
	- Kinh phí quyết toán	263,902,400	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.3	**Kinh phí cải cách tiền lương**		
	-Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	-Dự toán được giao trong năm	**1,535,628,855**	**1,535,628,855**
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	1,535,628,855	
	- Kinh phí quyết toán trong đó :	1,535,628,855	
	+ Chi thu nhập tăng thêm	1,535,628,855	
	+ Chi truy lĩnh, BH, CĐ tăng lương cơ sở		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
II	**Số thu phí, lệ phí : Học phí**		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	293,952,000	180,730,000
2.2	Mức thu : theo NQ 54 cuả HĐND TP nhà trường không thu học phí cuả HS năm học 2023-2024		

2.3	Tổng số thu trong năm do NS Huyện giao	243,672,400	250,000,000
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	243,672,400	250,000,000
2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	243,672,400	250,000,000
2.6	Số chi trong năm	356,894,400	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	270,494,400	340,730,000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	32,205,000	35,000,000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	54,195,000	55,000,000
2.7	Số dư cuối năm tại thời điểm 30/6/2024	180,730,000	
III	**Các khoản thu hỗ trợ dịch vụ giáo dục theo quy định của Nghị quyết 02**		
3.1	**Dạy thêm học thêm**		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7,119,417	2,625,141
3.1.2	Mức thu học kì 1(T9,10,11,12) : 270.000/tháng, học kì 2 (1,2,3,4,5): 8.500/tiết x số tiết HS đăng kí (năm học 2023-2024)		
3.1.3	Tổng số thu trong năm:	**1,628,791,316**	1,815,000,000
	+Thu dạy thêm học thêm năm học 2023-2024	1,628,791,316	1,815,000,000
3.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1,628,791,316	1,815,000,000
3.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	1,628,791,316	1,815,000,000
3.1.6	Số chi trong năm	1,628,791,316	1,815,000,000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp, công tác chỉ đạo, quản lý	1,384,231,000	1,542,750,000
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất	145,500,316	163,350,000
	- Chi phúc lợi	99,060,000	108,900,000
3.1.7	Số dư cuối năm trong đó :	2,625,141	-
	+Số dư năm học trước mang sang		
	+Dư phúc lợi dạy thêm học thêm		
	+Dư hỗ trợ cơ sở vật chất dạy thêm học thêm	2,625,141	
3.2	**Gửi xe học sinh**		
3.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	4,729,500	7,374,250
3.2.2	Mức thu 25000/xe đạp, 40.000/xe điện		
3.2.3	Tổng số thu trong năm	107,347,500	130,000,000
3.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	112,077,000	130,000,000
3.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	112,077,000	130,000,000
3.2.6	Số chi trong năm	104,702,750	130,000,000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	54,000,000	63,000,000
	- Chi nộp thuế môn bài, GTGT, TNDN	11,734,750	14,000,000
	- Chi cơ sở vật chất	38,968,000	53,000,000
3.2.7	Số dư cuối năm	7,374,250	
3.3	**Nước uống**		

3.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.3.2	Mức thu 10.000 đ/học sinh/tháng		
3.3.3	Tổng số thu trong năm	51,810,000	54,000,000
3.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	51,810,000	54,000,000
3.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	51,810,000	54,000,000
3.3.6	Số chi trong năm : chi trả toàn bộ kinh phí cho nhà cung cấp	51,810,000	54,000,000
3.4	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**		
3.4.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.4.2	Tổng số thu trong năm		
3.4.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.4.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
3.4.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: - …….		
3.4.6	Số dư cuối năm		
IV	**Các khoản thu hộ, chi hộ: BHYT, đồng phục, sách vở, BH toàn diện,**		
4.1	**BHYT**		
4.1.1	Số học sinh: 552 học sinh		
4.1.2	Mức thu: 563.220đ/hs/năm		
4.1.3	Tổng thu	375,580,800	530,712,000
4.1.4	Đã chi	375,580,800	530,712,000
4.1.5	Dư	0	-
4.2	**Bảo hiểm toàn diện**		
4.2.1	Số học sinh: 560 học sinh		
4.2.2	Mức thu: 150.000đ/năm		
4.2.3	Tổng thu	84,000,000	90,000,000
4.2.4	Đã chi	84,000,000	90,000,000
4.2.5	Dư	0	-
4.5	**Ôn thi vào 10**		
4.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.5.2	Tổng số thu trong năm	149,600,000	150,000,000
4.5.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	149,600,000	150,000,000
4.5.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	149,600,000	150,000,000
	Số chi trong năm	149,600,000	150,000,000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp, công tác quản lý chỉ đạo	127,160,000	127,500,000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	15,000,000	13,500,000
	- Chi phúc lợi	7,440,000	9,000,000
4.5.5	Số dư cuối năm	0	
V	**Chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81**		

5.1	**Học kì 1**		
5.1.1	Tổng số miễn giảm học phí	3,472,000	6,750,000
5.1.2	Tổng số hỗ trợ học phí	146,568,000	150,000,000
5.1.3	Tổng số HTCPHT	5,400,000	5,400,000
5.2	**Học kì 2**		
5.2.1	Tổng số miễn giảm học phí	5,270,000	5,500,000
5.2.2	Tổng số hỗ trợ học phí	180,730,000	185,000,000
5.2.3	Tổng số HTCPHT	6,750,000	6,750,000
VI	**Tình hình Thực hiện chính sách với nhà nước năm 2023**		
6.1	Thuế Môn bài	1,000,000	1,000,000
6.2	Thuế TNDN tiền xe đạp	5,367,375	6,500,000
6.3	Thuế GTGT tiền xe đạp	5,367,375	6,500,000
6.4	Thuế TNCN	10,278,000	15,000,000
VII	**NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết theo từng nguồn)**		
1	**Học phí**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	**Học thêm**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3	……		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
VIII	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	144,000,000	180,000,000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	120,000,000	150,000,000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	100,000,000	120,000,000

2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	144,000,000	144,000,000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	10,000,000	10,000,000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	60,000,000	60,000,000
IX	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)(19% chi TX / Tổng số HS)	1,555,498	1,628,571
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Hoàng Lâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI LẬP **HIỆU TRƯỞNG**

Chu Thị Minh **Dương Thị Ngọc Hà**